

Bản án số: 159/2020/HC-PT

Ngày: 12-9-2020

V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại
về đền bù, hỗ trợ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các Thẩm phán: Ông **Mai Xuân Thành**.

Ông **Lê Tự**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12-9-2020, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 74/2019/TLPT-HC ngày 03-12-2019 về “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST ngày 10-9-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1403/2020/QĐ-PT ngày 27-8-2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Khấu Thành T**, sinh năm 1952 và bà **Hoàng Thị D**, sinh năm 1952; cùng địa chỉ cư trú: Số 14, đường F2, khu tái định cư V, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư **Lưu Văn T1** - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

- Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N.**

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:

Ông **Vũ Chí H** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N (Giấy ủy quyền số 646/GUQ-UBND ngày 31-01-2020), vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Bà **Hồ Thị H1** - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N; địa chỉ cơ quan: Số 159, Đường H2, phường L1, thành phố N, có mặt.

2. Ông **Trần Duy S** - Nhân viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N;

địa chỉ cơ quan: Số 159, Đường H2, phường L1, thành phố N, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Minh T2 - Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố N; địa chỉ cơ quan: Số 13A, Đường H2, phường L1, thành phố N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Hà Văn H3 - Phó phòng PTQĐ - Trung tâm PTQĐ thành phố N; địa chỉ cơ quan: Số 13A, Đường H2, phường L1, thành phố N, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Khấu Minh Ch; địa chỉ cư trú: Số 14, đường F2, Khu tái định cư V, phường P, thành phố N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Phi L1; địa chỉ cư trú: Số 14, đường F2, Khu tái định cư V, phường P, thành phố N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Phạm Thị Đa K; địa chỉ cư trú: Số 14, đường F2, Khu tái định cư V, phường P, thành phố N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Chị Khấu Thị Thu P1; địa chỉ cư trú: Số 14, đường F2, Khu tái định cư V, phường P, thành phố N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chị Khấu Thị Thu Th; địa chỉ cư trú: Số 14, đường F2, Khu tái định cư V, phường P, thành phố N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Chị Lê Thị Th1; địa chỉ cư trú: Số 14, đường F2, Khu tái định cư V, phường P, thành phố N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân phường P; địa chỉ: Số 60, đường P2, thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Hồng V1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường, có mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Khổng Quốc D1; địa chỉ cư trú: Số 59, Đường T3, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H4; địa chỉ cư trú: Số 59, Đường T3, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc thửa đất có diện tích 100 m² tại số 59, đường 1B, PT, phường P3, thành phố N là của vợ chồng bà Nguyễn Thị H4, ông Khổng Quốc D1 được cấp theo Quyết định số 99-QĐ-HT ngày 02-6-1990 của Hiệu trưởng Trường Kỹ thuật Không quân. Ngày 10-10-1992, vợ chồng ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D mua lại thửa đất này. Khi mua đất ông Khổng Quốc D1 và bà Nguyễn Thị H4 cung cấp quyết định cấp đất và lược đồ vị trí lô đất. Sau khi mua đất, ông T, bà D xây dựng nhà 03 tầng nằm giữa hai mặt tiền (một mặt giáp đường T3, một mặt giáp đường N1). Năm 2017, thực hiện Dự án các tuyến đường, các nút giao thông kết nối Khu sân bay N thì nhà, đất nêu trên của vợ chồng ông T bị giải tỏa trắng. Khi đó, do không biết quy định pháp luật nên ông T, bà D đồng ý nhận bồi thường 1.140.000.000 đồng và được mua lại 80 m² đất trong sân bay, với giá 1.344.000.000 đồng. Sau khi giao nhà và đất, nhận thấy gia

đình có đông nhân khẩu (12 người) và được biết theo tiêu chí mà Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố N niêm yết thì hộ gia đình ông T được mua 02 lô đất; đồng thời, thấy một số hộ bên cạnh cũng bị giải tỏa, diện tích đất còn lại nhiều, nhưng vẫn được mua 01 đến 02 lô đất, nên ông T làm đơn khiếu nại gửi đến UBND thành phố N yêu cầu được cấp 01 lô đất tái định cư, trường hợp UBND thành phố không cấp đất, thì cho gia đình ông được mua một lô đất theo giá Nhà nước. Tuy nhiên, ngày 24-10-2018, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 8887/QĐ-UBND, với nội dung bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông T, bà D.

Nhận thấy, quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố N là không có cơ sở, cụ thể:

- UBND thành phố N căn cứ vào xác nhận của UBND phường P để xác định nguồn gốc đất của gia đình ông T, bà D, nhưng tại thời điểm ông T mua đất chưa có phường P.

- UBND thành phố N cho rằng đất mà ông D1, bà H4 chuyển nhượng cho ông T là đất lấn chiếm đất quốc phòng, nằm ngoài 150 m² đất mà bà H4 được Trường Sĩ Quan Không quân cấp, nhưng thực tế vào năm 2013, ông D1, bà H4 được UBND thành phố N xác nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 150 m² đất này.

- UBND thành phố N căn cứ khoản 3 Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013 để cho rằng trường hợp hộ gia đình ông T, bà D là trường hợp thu hồi đất không được bồi thường về đất, nên không thuộc một trong các trường hợp được giao đất tái định cư theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013 không có nội dung như UBND thành phố N đã nêu, mà quy định hộ gia đình sống trên đất trước ngày 15-10-1993 không có tranh chấp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy, ông Khấu Thành T và bà Hoàng Thị D đề nghị Tòa án hủy toàn bộ Quyết định số 8887/QĐ-UBND ngày 24-10-2018 của Chủ tịch UBND thành phố N.

Người bị kiện trình bày:

Căn cứ Công văn số 2910/QĐ-UBND ngày 29-9-2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông trong Đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) một số khu vực thuộc khu trung tâm đô thị Thương mại - Dịch vụ - Tài chính - Du lịch N và các tuyến đường nút giao thông kết nối theo Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 06-9-2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Ngày 13-01-2017, UBND thành phố N ban hành Thông báo số 19/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án các tuyến đường, các nút giao thông kết nối khu sân bay N, thành phố N. Hộ ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D sử dụng đất tại số 59A, Đường T3, phường P, thành phố N thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ địa chính số 17, phường P tương ứng với toàn bộ thửa đất số 20, bản đồ trích đo địa chính số 208-2017, do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Khánh Hòa lập, diện tích thu hồi là 94,7 m².

- Về nguồn gốc khu đất: Theo Giấy xác nhận số 1436/XN-UBND ngày 06-10-2017 của UBND phường P, thì thửa đất nêu trên bà Nguyễn Thị H4 được Hiệu trưởng Trường Chỉ huy Kỹ thuật Không quân cấp ngày 02-6-1990, diện tích 150 m². Ngày 10-10-1992, ông Khổng Quốc D1 và bà Nguyễn Thị H4 sang nhượng một phần diện tích đất 100 m² cho ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D (giấy viết tay). Phần đất hiện

nay hộ ông Khấu Thành T sử dụng là diện tích đất do ông D1, bà H4 lấn chiếm thêm sau khi được quân đội cấp. Diện tích đất thực tế đang sử dụng 94,7 m² chênh lệch 5,3 m² nguyên nhân do mua bán ảng chừng.

Ngày 02-4-2018, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 828/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích 94,7 m² đối với hộ ông T, bà D; ngày 02-4-2018, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 833/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D với tổng kinh phí là 1.090.469.000 đồng. Ông T, bà D có đơn khiếu nại yêu cầu được giao 01 lô đất tái định cư (theo giá tái định cư) do gia đình có 02 sổ hộ khẩu, bao gồm 09 nhân khẩu. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013, thì hộ ông T, bà D là trường hợp thu hồi đất không được bồi thường về đất, nên không thuộc một trong các trường hợp được giao đất tái định cư theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

Theo điểm a khoản 1 Thông báo số 818/TB-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa, thì trường hợp hộ ông T, bà D đã được hỗ trợ 30% đối với phần diện tích đất lấn chiếm đất quốc phòng trước ngày 15-10-1993 và hỗ trợ thêm 30% do hộ ông T cam kết giao mặt bằng trước và đúng thời gian quy định; đồng thời, hộ ông T, bà D đã được UBND thành phố N giao 01 lô đất ở tái định cư (có thu tiền sử dụng đất theo giá thị trường) tại Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 02-4-2018 (diện tích đất ở đô thị 80,0 m² tại lô 32, ô TDC5, thuộc phân khu 2, phân khu 3, thuộc Khu trung tâm Thương mại - Dịch vụ - Tài chính - Du lịch N).

Như vậy, ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D yêu cầu giao 01 lô tái định cư (theo giá tái định cư) là không có cơ sở. Do đó, ngày 24-10-2018, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 8887/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, bác toàn bộ nội dung khiếu nại của của ông Khấu Thành T và bà Hoàng Thị D là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khấu Thanh Tiến và bà Hoàng Thị D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Khấu Minh Ch, anh Nguyễn Phi L1, chị Phạm Thị Đa K, chị Khấu Thị Thu P1, chị Khấu Thị Thu Th và chị Lê Thị Th1 trình bày:

Các anh, chị đều thống nhất với yêu cầu của người khởi kiện và đề nghị UBND thành phố N xem xét lại số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình do diện tích đất ở trước khi thu hồi là 96 m², kết cấu nhà 03 tầng, nhưng mức giá bồi thường mà UBND thành phố N áp dụng khi thu hồi đất của gia đình là quá thấp, không thỏa đáng; đồng thời, yêu cầu UBND thành phố N giải thích vì sao gia đình phải mua lô tái định cư với giá cao, trong khi cha, mẹ (ông T, bà D) đã mua và ở trên đất từ năm 1992 (nộp thuế đầy đủ); ngoài ra, đề nghị xem xét cho gia đình được mua thêm 01 lô tái định cư, do gia đình có 11 nhân khẩu lại bị giải tỏa trắng để thực hiện Dự án các tuyến đường, các nút giao thông kết nối Khu sân bay N, thành phố N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST ngày 10-9-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

Căn cứ Điều 100, khoản 3 Điều 82 (dẫn chiếu khoản 1 Điều 64) Luật Đất đai năm 2013; Điều 29, Điều 32, Điều 125; điểm b Điều 157, Điều 159 và điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày

15-5-2015 của Chính phủ; Điều 21 Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 21-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D về yêu cầu hủy Quyết định số 8887/QĐ-UBND ngày 24-10-2018 của Chủ tịch UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định miễn án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16-9-2019, ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D kháng cáo bản án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không được Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp nhận yêu cầu: “Hủy Quyết định số 8887/QĐ-UBND ngày 24-10-2018 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại”. Ngày 16-9-2019, ông Khấu Thành T và bà Hoàng Thị D kháng cáo; đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Quyết định số 8887/QĐ-UBND ngày 24-10-2018 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Chấp nhận kháng cáo của ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D; sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 8887/QĐ-UBND ngày 24-10-2018 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Khấu Thành T và bà Hoàng Thị D.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1]. Về nguồn gốc thửa đất:

Nguồn gốc thửa đất có diện tích 100 m² tại số 59, đường 1B, PT, phường P3, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là của vợ chồng bà Nguyễn Thị H4, ông Khổng Quốc D1 được cấp theo Quyết định số 99-QĐ-HT ngày 02-6-1990 của Hiệu trưởng Trường Kỹ thuật Không quân. Ngày 10-10-1992, vợ chồng ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D mua lại thửa đất này. Khi mua đất ông D1 và bà H4 cung cấp quyết định cấp đất và lược đồ vị trí lô đất, sau đó hai bên thực hiện việc mua bán bằng giấy viết tay (không có xác nhận của chính quyền địa phương). Sau khi mua đất, ông T, bà D xây dựng nhà 03 tầng nằm giữa hai mặt tiền (một mặt giáp đường T3, một mặt giáp đường N1). Tuy nhiên, từ năm 1992 đến nay, vợ chồng ông T, bà D không thực hiện việc kê khai, đăng ký để hợp thức quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở với cơ quan Nhà nước có

thảm quyền.

Theo Giấy xác nhận số 1436/XN-UBND ngày 06-10-2017 của UBND phường P, thì sau khi được Hiệu trưởng Trường Chỉ huy Kỹ thuật Không quân cấp đất (diện tích 150 m²); ngày 10-10-1992, vợ chồng ông Không Quốc D1, bà Nguyễn Thị H4, sang nhượng diện tích 100 m² đất cho ông Khấu Thành T và bà Hoàng Thị D (giấy viết tay). Phần đất hiện nay hộ ông Khấu Thành T sử dụng là diện tích đất do ông D1, bà H4 lần chiếm thêm sau khi được cấp. Diện tích đất thực tế đang sử dụng 94,7 m² chênh lệch 5,3 m² nguyên nhân do hai bên mua bán áng chừng.

[2.2] Trình tự thu hồi đất và đền bù, hỗ trợ tái định cư.

Ngày 06-9-2016, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2630/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề xuất Dự án Các tuyến đường, các nút giao thông kết nối khu sân bay N; ngày 29-9-2016, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2910/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông trong đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) một số khu vực thuộc Khu trung tâm đô thị Thương mại - Dịch vụ - Tài chính - Du lịch N và các tuyến đường, nút giao kết nối.

Ngày 17-7-2017, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2056/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch giao thông trong đồ án Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) một số khu vực thuộc Khu trung tâm đô thị Thương mại - Dịch vụ - Tài chính - Du lịch N các tuyến đường, nút giao kết nối.

Thực hiện Dự án mở đường và các nút giao thông kết nối vào khu sân bay (theo các quyết định nêu trên), thì nhà và đất của ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D bị giải tỏa trắng, do đó UBND thành phố N ban hành Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 02-4-2018 thu hồi toàn bộ diện tích 94,7 m² đối với hộ ông T, bà D; cũng trong ngày 02-4-2018, UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 830/QĐ-UBND giao cho hộ ông Khấu Thành T và bà Hoàng Thị D 80.0 m² đất tại Lô 32 ô TDC 5, đường quy hoạch rộng 12 m, tại phân khu 2 và phân khu 3 thuộc Khu Trung tâm Thương mại - Dịch vụ - Tài chính - Du lịch N, thành phố N để sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị, với hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất là 1.344.000.000 đồng (80,0 m² x 16.800.000 đồng/m²) và ban hành Quyết định số 833/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông T, bà D, với tổng kinh phí là 1.090.469.000 đồng (hỗ trợ thêm 30% đơn giá đất ở). Ông T, bà D không đồng ý với quyết định của UBND thành phố N, nên khiếu nại yêu cầu giao thêm một lô đất tái định cư (theo giá tái định cư). Tuy nhiên, xét thấy hộ ông Khấu Thành T đã được bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo đúng quy định của pháp luật, nên ngày 24-10-2018, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 8887/QĐ-UBND, với nội dung bác yêu cầu khiếu nại của ông Khấu Thành T và bà Hoàng Thị Dung về yêu cầu giao thêm một lô đất tái định cư (theo giá tái định cư) cho hộ ông, bà.

[2.3]. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để xác định, nguồn gốc lô đất mà ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D bị thu hồi để thực hiện Dự án mở đường và các nút giao thông kết nối vào khu sân bay N là đất lấn chiếm, nên không được bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 82 (trích dẫn điểm đ khoản 1 Điều 64) của Luật Đất đai năm 2013; không đủ điều kiện được giao đất ở tái định cư, theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2015 của Chính phủ; Điều

21 Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 21-12-2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Do đó, UBND thành phố N chỉ giải quyết cho ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D 01 lô đất có diện tích 80,0 m² là đất ở đô thị (có thu tiền theo giá quy định của UBND tỉnh Khánh Hòa) tại Khu trung tâm Thương mại - Dịch vụ - Du lịch N là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D là có căn cứ.

Như vậy, kháng cáo của ông Khấu Thành T và bà Hoàng Thị D đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Mặc dù, kháng cáo không được chấp nhận, nhưng ông Khấu Thành T và bà Hoàng Thị D là người cao tuổi, nên ông T, bà D được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của ông Khấu Thành T và bà Hoàng Thị D.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HCST ngày 10-9-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Khấu Thành T, bà Hoàng Thị D về yêu cầu hủy Quyết định số 8887/QĐ-UBND ngày 24-10-2018 của Chủ tịch UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết khiếu nại của ông Khấu Thành T và bà Hoàng Thị D.

3. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Khấu Thành T và bà Hoàng Thị D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường

